TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 280/2022/QĐST-DS	*C, ngày 28 tháng 12 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 20 tháng 12 năm 2022 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 374/2022/TLST- DS, ngày 25 tháng 10 năm 2022.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"giữa:*

Nguyên đơn: 1**.** Ông Lê Văn B, sinh năm 1945.

2. Ông Lê Văn T, sinh năm 1972.

Cùng địa chỉ: ấp Đ, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Văn B và ông Lê Văn T là ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1958. Địa chỉ: ấp C, xã B, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn: 1. Ông Lê Văn H, sinh năm 1978.

2. Bà Phạm Thị H1, sinh năm 1978.

Cùng địa chỉ: ấp Đ, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về số tiền phải trả: Ông Nguyễn Văn N là đại diện theo ủy quyền của ông Lê Văn B, ông Lê Văn T với ông Lê Văn H, bà Phạm Thị H1 tự nguyện thỏa thuận ông Lê Văn H, bà Phạm Thị H1 có nghĩa vụ trả cho ông Lê Văn B, ông Lê Văn T số tiền nợ vay 390.000.000đồng (Ba trăm chín mươi triệu đồng). Trong đó nợ gốc là 240.000.000đồng (Hai trăm bốn mươi triệu đồng), nợ lãi là 150.000.000đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng)

Ông Nguyễn Văn N là đại diện theo ủy quyền của ông Lê Văn B, ông Lê

Văn T thống nhất nhận số tiền trên.

- Về thời gian trả: Ông Nguyễn Văn N là đại diện theo ủy quyền của ông Lê Văn B, ông Lê Văn T với ông Lê Văn H, bà Phạm Thị H1 tự nguyện thỏa thuận thời gian ông Lê Văn H, bà Phạm Thị H1 trả số tiền 390.000.000đồng (Ba trăm chín mươi triệu đồng) cho ông Lê Văn B, ông Lê Văn T do Chi cục thi hành án dân sự huyện C giải quyết theo quy định của pháp luật Thi hành án dân sự.

- Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án), hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Là 9.750.000đồng (Chín triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Ông Nguyễn Văn N là đại diện theo ủy quyền của ông Lê Văn B, ông Lê Văn T với ông Lê Văn H, bà Phạm Thị H tự nguyện thỏa thuận mỗi bên chịu phân nữa án phí, tức là ông Lê Văn B, ông Lê Văn T và ông Lê Văn H, bà Phạm Thị H1 mỗi bên phải chịu 4.875.000đồng (Bốn triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Đối với số tiền 11.000.000đồng (Mười một triệu đồng) tạm ứng án phí mà ông Lê Văn B, ông Lê Văn T đã nộp tại biên lai số 0010705, ngày 14/10/2022 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện C thu được khấu trừ vào số tiền án phí mà ông Lê Văn B, ông Lê Văn T phải chịu, còn lại trả cho ông Lê Văn B, ông Lê Văn T.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật thi hành ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự ”.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Huỳnh Văn Hoàng Vân